

Số: /2026/QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật đối với các dịch vụ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 123/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 14/2024/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật và phương pháp định giá dịch vụ giáo dục, đào tạo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 4543/TTr-SGDĐT ngày 22 tháng 7 năm 2026;

Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật đối với các dịch vụ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định định mức kinh tế - kỹ thuật đối với dịch vụ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

b) Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan trong việc thi hành Quyết định này.

Điều 2. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật đối với dịch vụ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập

1. Định mức lao động

a) Định mức lao động đối với dịch vụ giáo dục mầm non (*chi tiết tại Phụ lục I-A kèm theo Quyết định này*).

b) Định mức lao động đối với dịch vụ giáo dục tiểu học (*chi tiết tại Phụ lục I-B kèm theo Quyết định này*).

c) Định mức lao động đối với dịch vụ giáo dục trung học cơ sở (*chi tiết tại Phụ lục I-C kèm theo Quyết định này*).

d) Định mức lao động đối với dịch vụ giáo dục trung học phổ thông (*chi tiết tại Phụ lục I-D kèm theo Quyết định này*).

e) Định mức lao động đối với dịch vụ giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông (*chi tiết tại Phụ lục I-E kèm theo Quyết định này*).

2. Định mức thiết bị, vật tư

a) Định mức thiết bị, vật tư đối với dịch vụ giáo dục mầm non (*chi tiết tại Phụ lục II-A kèm theo Quyết định này*).

b) Định mức thiết bị, vật tư đối với dịch vụ giáo dục tiểu học (*chi tiết tại Phụ lục II-B kèm theo Quyết định này*).

c) Định mức thiết bị, vật tư đối với dịch vụ giáo dục trung học cơ sở (*chi tiết tại Phụ lục II-C kèm theo Quyết định này*).

d) Định mức thiết bị, vật tư đối với dịch vụ giáo dục trung học phổ thông (*chi tiết tại Phụ lục II-D kèm theo Quyết định này*).

e) Định mức thiết bị, vật tư đối với dịch vụ giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông (*chi tiết tại Phụ lục II-E kèm theo Quyết định này*).

3. Định mức cơ sở vật chất

Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 23/2024/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 8 năm 2026.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Quyết định này

được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản mới.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính, Nội vụ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Cục KTVB&TCTHPL (Bộ Tư pháp);
- Vụ Pháp chế (Bộ Giáo dục và Đào tạo);
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- CT, các PCT UBND thành phố;
- Ủy ban MTTQVN thành phố;
- Đoàn ĐBQH thành phố Hải Phòng;
- Sở Tư pháp;
- Các sở, ban, ngành thành phố;
- Công báo TP, Cổng TTĐT TP;
- Báo và phát thanh, truyền hình Hải Phòng;
- CPVP UBND thành phố;
- Phòng NV&KTGS;
- Lưu: VT, Đ.H.Hưng.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Vũ Tiến Phụng